TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22-5-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Tỵ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 315/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1989; hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Đặng Hiếu V, sinh năm 1987; hộ khẩu thường trú: Ấp E, xã F, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà N có mặt. Bị đơn ông V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2019, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày*:

Bà Nguyễn Thị N và ông Đặng Hiếu V chung sống với nhau vào năm

2013, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 04/6/2013. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hợp tính tình nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do ông V không có trách nhiệm với gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được vợ chồng đã không còn sống chung từ khoảng tháng 7 năm 2019 cho đến nay. Vì vậy, bà N làm đơn yêu cầu ly hôn với ông V.

Quá trình chung sống, bà N và ông V có con chung tên Đặng Đàm P, sinh ngày 10/11/2013. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Bà N không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Chứng cứ bà N giao nộp: Bản chính đơn khởi kiện ngày 11/12/2019; bản sao giấy chứng minh nhân dân và bản sao sổ hộ khẩu của bà N; bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh Đặng Đàm P; bản tự khai của bà N.

Ngoài ra, bà N không có yêu cầu khác, không cung cấp chứng cứ gì thêm.

** Theo đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 23/4/2020 của bị đơn ông Đặng Hiếu V trình bày:*

Ông V có nguyện vọng muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà N nhưng trường hợp bà N cương quyết ly hôn thì ông V đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trường hợp ly hôn thì ông V đồng ý giao con chung tên Đặng Đàm P, sinh ngày 10/11/2013 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông V không có ý kiến gì khác.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương có ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tống đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn bà N, bị đơn ông V có đơn xin giải quyết vắng mặt nên việc vắng mặt của bị đơn ông V không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227,

228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N về ly hôn; về con chung giao con chung tên Đặng Đàm P, sinh ngày 10/11/2013 cho nguyên đơn bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông V về việc cấp dưỡng nuôi con chung tên Đặng Đàm P, sinh ngày 10/11/2013 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung nguyên đơn, bị đơn không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà N có mặt, bị đơn ông V vắng mặt. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn ông V thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bị đơn ông V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn, bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung đối với bị đơn ông V, kết quả xác minh xác định bị đơn ông V có hộ khẩu thường trú tại ấp E, xã F, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[3] Theo đơn xin ly hôn ngày 11/12/2019, nguyên đơn bà N khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn ông V với các yêu cầu: Ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đặng Đàm P, sinh ngày 10/11/2013 và yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn bà N và bị đơn ông V tự nguyện chung sống với nhau, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bình Dương vào ngày 04/6/2013.

Hôn nhân giữa nguyên đơn bà N và bị đơn ông V là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Nguyên đơn, bà Nương xác định quá trình chung sống bà N và ông V thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông V không có trách nhiệm với gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được vợ chồng không còn sống chung từ khoảng tháng 7 năm 2019 cho đến nay nên bà N yêu cầu ly hôn với ông V. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, xác định: Ông V có đăng ký thường trú tại ấp E, xã F, huyện D, tỉnh Bình Dương nhưng thường xuyên không sinh sống tại địa phương. Bị đơn ông V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, cho thấy ông V không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng và mối quan hệ gia đình. Đồng thời, ông V có ý kiến trường hợp bà N cương quyết ly hôn thì ông V đồng ý ly hôn với bà N. Xét tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông V theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung:* Quá trình chung sống, giữa nguyên đơn bà N và bị đơn ông V có con chung tên Đặng Đàm P, sinh ngày 10/11/2013. Hiện nay con chung bà N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, nguyên đơn bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét ý kiến của ông V về việc đồng ý giao con chung tên Đặng Đàm P, sinh ngày 10/11/2013 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử giao con chung tên Đặng Đàm P, sinh ngày 10/11/2013 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn ông V về việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn bà N, bị đơn ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng sơ thẩm: Nguyên đơn bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đối với bị đơn ông Đặng Hiếu V về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Đặng Hiếu V.

1.2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*:

Bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đặng Đàm P, sinh ngày 10/11/2013. Ông Đặng Hiếu V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung tên Đặng Đàm P, sinh ngày 10/11/2013 mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đặng Hiếu V không cấp dưỡng nuôi con đúng thời hạn, thì hàng tháng ông Đặng Hiếu V còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Bà Nguyễn Thị N và ông Đặng Hiếu V đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà N, ông V không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí:

+ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà bà N đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0032255 ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

+ Án phí cấp dưỡng sơ thẩm: Ông Đặng Hiếu V phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 22/5/2020).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Long Tỵ